

Số: 1772/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 25 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia
về người cao tuổi tỉnh Bình Phước giai đoạn 2014-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật NCT ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH ngày 19/5/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội; Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18/02/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú, chúc thọ, mừng thọ và biểu dương khen thưởng người cao tuổi; Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn chăm sóc sức khỏe NCT;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1337/TTr-LĐTBXH ngày 30/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi tỉnh Bình Phước giai đoạn 2014-2020, với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường khả năng tiếp cận các chính sách và các dịch vụ cho người cao tuổi (NCT) thông qua việc đánh giá các quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời, tăng cường khả năng thực hiện Luật NCT trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về pháp luật và cơ chế chính sách đối với NCT.

- Điều tra, khảo sát, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý về NCT theo quy định.

- 100% NCT từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi và NCT từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ gia đình nghèo, gia đình khó khăn không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng, người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thì được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, được hưởng bảo hiểm y tế và được hỗ trợ mai táng phí khi chết theo quy định.

- 100% NCT thuộc hộ gia đình nghèo hoặc gia đình khó khăn không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, có nguyện vọng vào cơ sở bảo trợ xã hội thì được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội.

- Nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh có phân khu chăm sóc NCT phù hợp theo quy định tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thành lập Trung tâm Bảo trợ xã hội và các cơ sở nuôi dưỡng NCT có hoàn cảnh khó khăn.

- 95% NCT được phụng dưỡng chăm sóc đời sống cả về vật chất và tinh thần.

- 90% NCT được khám, chữa bệnh và được chăm sóc sức khỏe tại nơi cư trú. NCT khi bệnh tật đau yếu được khám điều trị bệnh, được hưởng sự chăm sóc của gia đình, cộng đồng xã hội.

- Tạo điều kiện cho ít nhất 60% NCT tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, giải trí du lịch, sử dụng công trình công cộng và tham gia giao thông công cộng.

- 100% số xã, phường, thị trấn có câu lạc bộ sinh hoạt NCT tự giúp nhau hoặc mô hình khác nhau nhằm chăm sóc và phát huy vai trò NCT, trong đó thu hút 80% NCT trên địa bàn tham gia và hưởng lợi.

- Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sáng kiến hay và phẩm chất tốt đẹp của NCT, trong các phong trào thi đua của NCT.

- 100% Hội NCT ở các cấp được củng cố về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động; 70% NCT là hội viên Hội NCT ở cơ sở; 60% Ban chấp hành Hội đạt danh hiệu thi đua “Tuổi cao gương sáng”.

- 100% xã, phường, thị trấn của tỉnh có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT hoạt động có hiệu quả.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức làm công tác NCT.

II. NỘI DUNG

1. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật và cơ chế chính sách đối với NCT:

- Tập trung tuyên truyền Luật NCT, các chính sách của Nhà nước đối với NCT, đặc biệt là chính sách bảo trợ xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng một cách rộng rãi, có chiều sâu.

- Tuyên truyền những quy định về quyền và nghĩa vụ của NCT, trách nhiệm của gia đình, nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng chăm sóc và phát huy vai trò của NCT.

- Tuyên truyền giáo dục truyền thống “Kính lão trọng thọ” kính trọng biết ơn và giúp đỡ NCT.

- Phổ biến, truyền đạt những thông tin, kiến thức khoa học nhằm hạn chế các nguy cơ gây bệnh ở NCT, tăng cường an toàn trong sử dụng thuốc, chống lạm dụng thuốc chữa bệnh đối với NCT.

- Tuyên truyền, nêu gương sáng về phẩm chất đạo đức, lối sống mẫu mực của NCT; giáo dục thế hệ trẻ giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; gương mẫu chấp hành và vận động gia đình, cộng đồng chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Mức hỗ trợ kinh phí tuyên truyền ở các cấp như sau:

1.1 Cấp tỉnh: Mức hỗ trợ tuyên truyền thấp nhất là 20.000.000 đồng/sở, ngành/năm.

1.2 Cấp huyện, thị xã: Mức hỗ trợ tuyên truyền thấp nhất là 20.000.000 đồng/huyện/năm.

1.3 Cấp xã, phường, thị trấn: Mức hỗ trợ tuyên truyền thấp nhất là 3.600.000 đồng/xã/năm.

Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi đảm bảo xã hội của các huyện, thị xã và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã.

2. Điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý:

Tổ chức điều tra, khảo sát NCT thuộc diện bảo trợ xã hội theo từng tiêu chí quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý ở cấp tỉnh, cấp huyện thị, cấp xã, phường, thị trấn.

3. Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với NCT:

3.1 Trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng:

Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 11/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NCT. Tính đến ngày 30/9/2011 toàn tỉnh có 6.283 NCT đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng và dự kiến lập hồ sơ

xét hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng cho NCT giai đoạn 2014-2020 là 19.222 người.

3.2 Trợ cấp mai táng phí:

Theo qui định tại khoản 5, Điều 6 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP thì số lượng NCT giảm (dự kiến) 3.628 người trong giai đoạn 2014 - 2020.

3.3 Trợ giúp bảo hiểm y tế:

Theo qui định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27/07/2009 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế thì mức hỗ trợ bằng 4,5% mức lương tối thiểu.

4. Trợ giúp đột xuất cho NCT:

4.1 Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ NCT nhân Ngày quốc tế NCT:

- Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ NCT tròn 100 tuổi và NCT tròn 90 tuổi và trên 100 tuổi thấp nhất bằng mức tỉnh triển khai thực hiện như các năm trước.

- Mức tặng quà NCT ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi là 400.000 đồng/người/năm.

- Nguồn kinh phí đảm bảo an sinh xã hội của các huyện, thị xã và được bố trí trong dự toán chi hàng năm của Hội NCT các huyện, thị xã.

4.2 Hỗ trợ Tết Nguyên đán:

- Căn cứ tình hình thực tế, UBND tỉnh qui định mức quà tết cho NCT thuộc diện bảo trợ xã hội là 400.000 đồng/người/phần quà.

- Nguồn kinh phí đảm bảo an sinh xã hội của các huyện, thị xã và được bố trí trong dự toán chi hàng năm của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã.

- Hằng năm, các sở, ban, ngành, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội đoàn thể, UBND các huyện, thị xã tổ chức vui Tết cho NCT theo qui định.

5. Trợ cấp chăm sóc nuôi dưỡng NCT tại Trung tâm Bảo trợ xã hội:

5.1 Chăm sóc nuôi dưỡng NCT:

Việc trợ cấp chăm sóc nuôi dưỡng hằng tháng, mua bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng, cấp thuốc chữa bệnh thông thường, tư trang, vật dụng, phục vụ cho sinh hoạt thường ngày và cấp dụng cụ, phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng cho NCT, được dự toán, quyết toán các chi phí phù hợp với qui định hiện hành và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh.

5.2 Phát triển khu nuôi dưỡng NCT theo qui định tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP của Chính phủ:

Quy hoạch quỹ đất để kêu gọi xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để xây dựng thêm một Trung tâm Bảo trợ xã hội, tiếp nhận 11 nhóm đối tượng theo qui định tại Điều 5, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP; thời gian dự kiến trong giai đoạn 2015-2018.

6. Hoạt động phụng dưỡng chăm sóc NCT:

Vận động gia đình và toàn xã hội phụng dưỡng NCT nói chung, NCT có hoàn cảnh khó khăn ở cộng đồng và ở Trung tâm Bảo trợ Xã hội nói riêng; chăm lo đời sống tinh thần, vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại; chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu về vui chơi, giải trí, thông tin, giao tiếp, học tập của NCT. Lốp con, cháu có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng NCT; tùy theo hoàn cảnh, phải sắp xếp nơi ở phù hợp với điều kiện sức khỏe, tâm lý của NCT; chu cấp về kinh tế; thanh toán chi phí điều trị và chăm sóc y tế, động viên thăm hỏi NCT khi ốm đau; mừng thọ khi lên lão; phúng viếng, mai táng khi NCT qua đời.

7. Hoạt động chăm sóc sức khỏe cho NCT:

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, hướng dẫn, bồi dưỡng và tập huấn kiến thức tự chăm sóc bản thân, nâng cao sức khỏe đối với NCT ở các cấp.

- Khuyến khích phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật của hệ thống dịch vụ y tế công lập và ngoài công lập.

- Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho NCT từ 80 tuổi trở lên được ưu tiên khám bệnh trước người bệnh khác, trừ bệnh nhân cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng.

- Bố trí giường bệnh phù hợp cho NCT khi điều trị nội trú tại khoa Lão Bệnh viện Đa khoa tỉnh và xây dựng xúc tiến thành lập khoa Lão tại Bệnh viện Đa khoa các Trung tâm Y tế có chức năng điều trị của các huyện, thị xã.

- Kết hợp các phương pháp điều trị y học cổ truyền với y học hiện đại, hướng dẫn phương pháp phòng bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh là NCT.

- Lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe NCT tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú đối với NCT cô đơn bị bệnh nặng không đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế.

8. Hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí du lịch; sử dụng công trình công cộng và tham gia giao thông công cộng:

8.1 Hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, giải trí, du lịch:

- Đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch ở các cấp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của NCT.

- Tạo điều kiện thuận lợi để NCT tham gia học tập, sinh hoạt văn hóa, giải trí, du lịch; luyện tập dưỡng sinh và các hoạt động thể dục thể thao phù hợp với sức khỏe, tâm lý của từng người.

- Cùng cố, hoàn thiện việc xây dựng và mở rộng các câu lạc bộ giải trí giúp NCT ở cấp cơ sở, sinh hoạt, tập thể dục dưỡng sinh, phục hồi sức khỏe.

- Tổ chức các lớp tập huấn về phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho NCT.

- Tổ chức các diễn đàn, chuyên mục, chuyên đề dành riêng cho NCT; tổ chức các đợt liên hoan văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho NCT theo định kỳ; tổ chức các tụ điểm vui chơi, sinh hoạt giải trí giúp NCT sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

- Phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, Hội NCT của tỉnh triển khai, tổ chức các tour du lịch đặc thù cho NCT.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho NCT tham gia biểu diễn, thi đấu tại các hội thao, các giải thể thao dành cho NCT mang tầm khu vực và toàn quốc.

8.2 Sử dụng công trình công cộng: Ngành xây dựng tổ chức kiểm tra các công trình đã và đang thi công, khi xây dựng hoặc cải tạo nhà chung cư, các công trình công cộng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng và bảo đảm phù hợp với đặc điểm, nhu cầu sử dụng của NCT.

8.3 Tham gia giao thông công cộng: Người tham gia giao thông công cộng có trách nhiệm hỗ trợ NCT khi tham gia giao thông; đồng thời, trên các phương tiện giao thông công cộng phải có hướng dẫn và có chỗ ngồi ưu tiên cho NCT, vận động miễn giảm vé xe cho NCT theo quy định của pháp luật.

9. Hoạt động phát huy vai trò của NCT:

9.1 Phát huy các phong trào thi đua của NCT:

Phong trào tuổi cao chí càng cao, nêu gương sáng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; phong trào phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng bản văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở cơ sở và cộng đồng; tham gia các phong trào khuyến học khuyến tài, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng người có đức có tài và các cuộc vận động khác tại cộng đồng; phong trào tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh; phong trào thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, quan liêu; phòng, chống HIV/AIDS và tệ nạn xã hội, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm tốt công tác quốc phòng ở địa phương.

9.2 Phát huy phong trào NCT có uy tín: Xây dựng phong trào NCT có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng viên kịp thời những già làng, trưởng bản có khả năng tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đề ra, không nghe lời kẻ xấu làm ảnh hưởng đến đất nước.

9.3 Phát huy phong trào NCT làm kinh tế giỏi: Tiếp tục phát huy phong trào NCT làm kinh tế giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp, vận động NCT có đủ điều kiện tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ... khuyến nông cùng các hội nghề nghiệp khác.

10 Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội NCT các cấp:

Kiên toàn, củng cố Hội NCT các cấp theo quy định của pháp luật; cải tiến nội dung, hình thức sinh hoạt theo hướng thiết thực, phong phú, phù hợp với điều kiện của NCT. Trên cơ sở đó thu hút ngày càng nhiều NCT tham gia vào Hội để sinh hoạt, tạo môi trường thuận lợi để NCT phát huy hết khả năng của mình cho sự nghiệp chung.

11. Xây dựng Quỹ chăm sóc NCT ở cơ sở:

Khuyến khích các xã, phường, thị trấn thành lập và phát triển Quỹ chăm sóc NCT theo quy định của pháp luật. Nguồn quỹ thu được phục vụ việc trợ giúp những NCT có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

12. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức làm công tác NCT:

Triển khai tổ chức các lớp tập huấn các kỹ năng nghiệp vụ về công tác NCT, các chế độ chính sách liên quan đến NCT theo quy định của pháp luật hiện hành.

13. Tăng cường kiểm tra, giám sát:

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, giám sát, đánh giá cụ thể, rõ ràng ở các cấp trong việc thực hiện Luật NCT và các cơ chế chính sách đối với NCT.

- Tổ chức các đợt đánh giá theo từng năm và giai đoạn.

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu và báo cáo kết quả giám sát đánh giá.

14. Khen thưởng và xử lý những vi phạm qui định Luật NCT:

- Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc chăm sóc, phát huy vai trò NCT;

- Xử lý nghiêm minh cơ quan, tổ chức cá nhân vi phạm Luật NCT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2014 - 2020 được bố trí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện, theo phân cấp nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác. Hằng năm, căn cứ Chương trình này và Thông tư số 21/2011/TT - BTC ngày 18/02/2011 của Bộ Tài chính qui định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT tại nơi cư trú... các đơn vị có liên quan lập dự toán chi hằng năm, gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc thực hiện thanh quyết toán đúng theo qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn năm 2014 - 2020 (gồm giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020).

2. Về chế độ báo cáo: Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã định kỳ báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu và các nội dung của Chương trình này về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Bộ và Thủ tướng Chính phủ

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội :

- Là cơ quan chủ trì, tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác NCT trong toàn tỉnh, lồng ghép hoạt động về NCT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia chăm sóc, phát huy vai trò NCT;

- Phối hợp với các sở, ngành, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội đoàn thể và UBND các huyện, thị xã tổ chức thực hiện văn bản qui phạm pháp luật về NCT và thực hiện nội dung 2, 3, 4, 5, 12, 13, 14 tại mục II.

2. Sở Y tế :

- Lập kế hoạch hướng dẫn các cơ sở y tế công lập thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT tại nơi cư trú.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo Trung tâm Y tế hướng dẫn, chỉ đạo các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện việc lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe NCT. Hướng dẫn lập kế hoạch phối hợp với các cơ sở khám, chữa bệnh tuyến trên để kiểm tra sức khỏe định kỳ cho NCT tại địa phương; Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn, cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nhà cho NCT cô đơn, khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn.

- Triển khai các hình thức tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phổ biến kiến thức phổ thông và chăm sóc sức khỏe; hướng dẫn kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và thực hiện nội dung 7, 13, 14 tại mục II.

3. Sở Nội vụ: Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh kiến toàn và củng cố Hội NCT các cấp theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính: Thực hiện thẩm định phân bổ, dự toán, quyết toán, kiểm tra giám sát theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Lồng ghép các chỉ tiêu của Chương trình hành động quốc gia về NCT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2014 - 2015 cho dự án cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hằng năm tổ chức các lớp tập huấn về phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao cho NCT, vận động NCT tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, giải trí và du lịch phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nhằm nâng cao thể lực và sức khỏe phát huy hết vai trò của NCT trong gia đình và xã hội và thực hiện nội dung 8.1 khoản 8 tại mục II.

7. Sở Xây dựng: Thực hiện nội dung 8.2 khoản 8 tại mục II.

8. Sở Giao thông: Chỉ đạo và lập kế hoạch hướng dẫn các phương tiện giao thông công cộng hướng dẫn và bố trí chỗ ngồi ưu tiên cho NCT đồng thời giảm giá vé cho NCT khi tham gia các phương tiện giao thông công cộng và thực hiện nội dung 8.3 khoản 8 tại mục II.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình; Đài Truyền thanh các huyện, thị xã; Trạm Truyền thanh các xã, phường, thị trấn tuyên truyền kịp thời, chính xác các chính sách, pháp luật của Nhà nước về NCT trên địa bàn và thực hiện nội dung 1 tại mục II.

10. Hội Người cao tuổi tỉnh:

- Xây dựng, củng cố tổ chức các cấp hội làm nòng cốt trong công tác chăm sóc và phát huy vai trò NCT. Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; triển khai thực hiện Luật NCT. Phát động thi đua nêu gương sáng góp phần thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do đảng bộ, chính quyền, MTTQ và địa phương phát động.

- Chỉ đạo Hội NCT các huyện, thị xã triển khai và thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về NCT của Ủy ban Quốc gia về NCT và kế hoạch của UBND tỉnh. Cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về NCT của địa phương làm cơ sở dữ liệu để phục vụ cho công tác chăm sóc và phát huy vai trò NCT trong đời sống xã hội.

- Tham gia giám sát việc chấp hành Luật NCT tại cơ sở, có ý kiến, kiến nghị để việc chấp hành pháp luật ngày càng có hiệu quả.

11. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Hằng năm, phối hợp xây dựng kế hoạch và hướng dẫn tổ chức hội ở các cấp tổ chức thực hiện, huy động sức mạnh toàn dân tham gia vào công tác chăm sóc phát huy vai trò của NCT gắn với xây dựng “gia đình văn hóa” quan tâm chăm sóc NCT không nơi nương tựa.

- Phối hợp vận động “Quỹ NCT” và “Quỹ con cháu phụng dưỡng ông bà cha mẹ”, quản lý và thực hiện theo pháp luật qui định.

- Cùng các cấp ủy, chính quyền tổ chức, tạo điều kiện để NCT phát huy vai trò của mình trong đời sống hàng ngày.

- Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã khi xem xét áp, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa cần đưa tiêu chí áp, khu phố, gia đình thực hiện tốt Luật NCT.

12. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã:

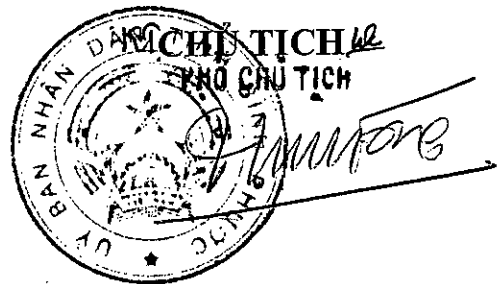
- Căn cứ Chương trình hành động quốc gia về NCT tỉnh Bình Phước giai đoạn năm 2014 - 2020, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng Chương kế hoạch triển khai cho Ban công tác NCT các huyện, thị xã thực hiện các hoạt động; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện.

- Là đầu mối tổng hợp các kết quả thực hiện ở cơ sở, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Giao thông vận tải, Hội NCT tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VPCP;
- Bộ LĐTBXH;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- LĐVP, Phòng VX, KTTH;
- Lưu: VT(qđ111-13).60



Nguyễn Huy Phong